

Bản án số: **04/2021/DS-ST**
Ngày: 04-02-2021
V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận
Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Lân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-DS ngày 26/11/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 74/2020/QĐST-DS ngày 25/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-DS ngày 20/01/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1965; Địa chỉ: Tổ 23 phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

- *Bị đơn:* Ông **Đặng Văn A**, sinh năm 1961; Địa chỉ: K390/30 đường D, tổ 23 phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm: 1959; *Có mặt*

2/ Bà **Đặng Thị Thúy H1**, sinh năm: 1986; *Có mặt*

3/ Ông **Võ Văn H2**, sinh năm: 1988; *Vắng mặt*

4/ Ông **Đặng Văn P1**, sinh năm: 1989; *Có mặt*

5/ Bà **Huỳnh Thị B**, sinh năm: 1994; *Vắng mặt*

Cùng địa chỉ: K390/30 đường D, tổ 23 phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Nguyên đơn là bà Đặng Thị H trình bày:***

Cha mẹ bà là cụ ông Đặng X và cụ bà Huỳnh Thị H3 sinh thời có 02 người con là: Đặng Thị H và Đặng Văn A. Ngoài ra hai cụ không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Sinh thời cụ X và cụ H3 tạo lập được khối tài sản là: Nhà và đất tại thửa đất số 364, tờ bản đồ số 9 có diện tích 82,5m² tọa lạc tại K390/30 đường D, tổ 23 phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Khi cụ ông Đặng X chết, không để lại di chúc. Cụ bà Huỳnh Thị H3 và các con là Đặng Thị H và Đặng Văn A có ký kết Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 9471.2014 ngày 21/8/2014 thể hiện: Ông Đặng Văn A và bà Đặng Thị H đồng ý tặng cho toàn bộ phần di sản mà mình được hưởng trong khối di sản của cụ ông Đặng X cho bà Huỳnh Thị H3.

Đến năm 2018, cụ bà Huỳnh Thị H3 chết, không để lại di chúc. Do không thỏa thuận được với các đồng thừa kế về việc phân chia di sản của mẹ để lại nên bà Đặng Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của cụ Huỳnh Thị H3.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị H yêu cầu ông Đặng Văn A sắp xếp, bố trí cho gia đình bà H về sống chung tại ngôi nhà trên như sau: tách cho bà H một phần diện tích chiều ngang trong lòng ngôi nhà là 2m, chiều dài 12,5m, tổng diện tích là 25m² để bà H xây dựng và sống riêng, không ảnh hưởng gì đến cuộc sống gia đình của ông A. Trong trường hợp ông A không đồng ý thì đề nghị Tòa án tiến hành chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật.

**** Bị đơn ông Đặng Văn A trình bày:***

Ông Đặng Văn A thừa nhận lời trình bày của bà Đặng Thị H về hàng thừa kế cũng như di sản của cụ Xảo và cụ Hào.

Nguồn gốc ngôi nhà từ năm 1978 do ông A và cụ H3 làm ăn dành dụm mua được ngôi nhà ván cấp 4 để ba mẹ con ăn ở, sinh hoạt hàng ngày. Đúng tên chủ sở hữu ngôi nhà là cụ bà Huỳnh Thị H3. Đến năm 1982, từ khoản dành dụm, gia đình xây dựng nhà tường gạch, lợp tôn để ăn ở cho kín đáo. Đến năm 1984, ông A lập gia đình với bà Nguyễn Thị P và sinh được 02 người con là bà Đặng Thị Thúy H1 và Đặng Văn P1.

Khi cụ H3 còn sống có nguyện vọng là để ngôi nhà này thờ ông bà, cha mẹ và những người thân ruột thịt quá cố, không được bán.

Đến năm 2000, bà H lập gia đình và kết hôn nhưng cụ H3 không đồng ý, do đó không cho bà H dọn về ở chung trong nhà.

Căn nhà hiện tại, gia đình tôi đã sửa chữa 03 lần để ngôi nhà không dột nát. Trong ngôi nhà trên đang có 08 người cùng sinh sống: ông Đặng Văn A, bà Nguyễn Thị P, gia đình con gái ông A là Đặng Thị Thúy H1 và Võ Văn H2; gia đình con trai ông A là Đặng Văn P1 và Huỳnh Thị B.

Đối với yêu cầu của bà H về việc ngăn nhà, sắp xếp cho bà dọn về sống chung với diện tích 25m² thì tôi chỉ đồng ý chia cho bà H 0,4m chiều ngang đường luồng có sẵn và 1,6m chiều ngang trong phần chiều ngang của ngôi nhà với điều kiện chỉ một mình bà H được dọn về sinh sống.

Đối với yêu cầu của bà H tách cho bà H một phần diện tích chiều ngang trong lòng ngôi nhà là 2m thì tôi không đồng ý, vì hiện nay gia đình ông A có nhiều thành viên, điều kiện sinh hoạt còn chật hẹp nên không thể chia theo ý muốn của bà H được.

Trong trường hợp không thể thỏa thuận được, ông A đề nghị Tòa án tiến hành chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ Huỳnh Thị H3. Tuy nhiên, ông A đề nghị Tòa án xem xét đến công lao chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ lúc đau ốm trong khi bà H không hề quan tâm đến việc mẹ ốm đau, công lao thờ phụng ông bà của ông A và các con sau này.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị P** thống nhất về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ Đặng X và cụ Huỳnh Thị H3 như lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Bà Nguyễn Thị P không có ý kiến gì về tranh chấp chia di sản thừa kế của mẹ chồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị Thúy H1 và ông Đặng Văn P1 trình bày:** Ông P1, bà H1 là con ruột của cha là ông Đặng Văn A và mẹ là bà Nguyễn Thị P. Nhà và đất tại địa chỉ K390/30 đường D, thành phố Đà Nẵng là tài sản của bà nội để lại cho cha và cô Đặng Thị H. Do đó, ông bà không có ý kiến gì về tranh chấp của cha và cô.

*** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và cho rằng:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn H2 và bà Huỳnh Thị B đã không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 649, 650, 651, 658 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ chi phí sửa chữa theo định giá đối với phần công trình xây thêm là: 69.471.932đ (Sáu mươi chín triệu bốn trăm bảy

mười một nghìn chín trăm ba mươi hai đồng), trong đó bao gồm 20.000.000 đồng do UBND phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng hỗ trợ. Chia cho những người thừa kế được hưởng phần giá trị di sản còn lại như sau: ông Đặng Văn A được hưởng 1.621.849.724 đồng; bà Đặng Thị H được hưởng 1.621.849.724 đồng. Giao cho ông Đặng Văn A được nhận nhà đất và có nghĩa vụ bồi trả cho bà Đặng Thị H số tiền tương ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy:

*** Về tố tụng:**

[1] Đây là vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế tài sản quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn là ông Đặng Văn A có địa chỉ cư trú tại số K390/30 đường D, tổ 23 phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Võ Văn H2 và bà Huỳnh Thị B đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

*** Về nội dung vụ án:**

[1] Xét nguồn gốc tài sản tại địa chỉ K390/30 đường D, tổ 23 phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng: Theo đơn khởi kiện, các bản trình bày, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa, các đương sự trong vụ án đều xác định: Ngôi nhà cấp 4 với cấu trúc tường xây, mái tôn, nền lót gạch men tọa lạc trên lô đất có diện tích 82,5 m² ở K390/30 đường D, thành phố Đà Nẵng đã được UBND quận K cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402070717 ngày 24/4/2001 là tài sản của cụ ông Đặng X và cụ bà Huỳnh Thị H3. Khi cụ ông Đặng X chết, không để lại di chúc. Cụ bà Huỳnh Thị H3 và các con là Đặng Thị H và Đặng Văn A có ký kết Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 9471.2014 ngày 21/8/2014 thể hiện: Ông Đặng Văn A và bà Đặng Thị H đồng ý tặng cho toàn bộ phần di sản mà mình được hưởng trong khối di sản của cụ ông Đặng X cho cụ bà Huỳnh Thị H3. Do đó, có đủ cơ sở xác định nhà và đất trên là di sản thừa kế của cụ bà Huỳnh Thị H3.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản của cụ Huỳnh Thị H3 theo pháp luật, thấy rằng:

Đến năm 2018, cụ bà Huỳnh Thị H3 chết, các đương sự đều thống nhất cụ H3 không để lại di chúc. Xét thời hiệu yêu cầu chia di sản của cụ H3 vẫn còn theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 do vậy nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ Huỳnh Thị H3 là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

Căn cứ theo Điều 651 của Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ H3 gồm có 02 kỷ phần là: ông Đặng Văn A và bà Đặng Thị H.

Từ khi cụ bà Huỳnh Thị H3 chết, ông A là người tiếp quản di sản, tôn tạo sửa chữa và là người lo thờ cúng, vì vậy HĐXX xét thấy việc giao cho ông Đặng Văn A được sử dụng di sản thừa kế của cụ bà Huỳnh Thị H3, ông A có nghĩa vụ bồi trả tiền chênh lệch đối với kỷ phần bà H được nhận là hoàn toàn hợp lý.

[3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc xem xét ngăn một phần ngôi nhà để nguyên đơn cùng chung sống thì thấy: Ngôi nhà tại địa chỉ K390/30 đường D, thành phố Đà Nẵng có diện tích 82,5m² hiện đang có 08 người cùng sinh sống. Ông A không đồng ý ngăn một phần ngôi nhà vì hiện nay sinh hoạt trong gia đình đã tương đối chật hẹp, nếu ngăn ngôi nhà trên như yêu cầu của bà H thì gia đình ông rất khó sinh hoạt. Do bị đơn không đồng ý, HĐXX không thể xem xét đến yêu cầu ngăn nhà của nguyên đơn.

[4] Đối với yêu cầu của bị đơn về việc xem xét đến công lao giữ gìn, tôn tạo công trình xây dựng, thì thấy:

Bà H và ông A thống nhất xác định trong quá trình sinh sống ông A đã tôn tạo, sửa chữa nhà ở với tổng chi phí được định giá là 69.471.932 đồng; Trong đó, ông bà đều xác định UBND phường C hỗ trợ 20.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định trong quá trình sinh sống, ông A đã bỏ ra chi phí tôn tạo, sửa chữa là 49.471.932 đồng. Do đó, HĐXX xét thấy cần chi trả cho ông A số tiền chi phí tôn tạo, sửa chữa trên trong phần di sản của cụ bà Huỳnh Thị H3.

Kể từ khi cụ Huỳnh Thị H3 chết, ông A và gia đình vẫn sinh sống tại ngôi nhà trên. Trong quá trình sinh sống, ông Đặng Văn A đã giữ gìn, tôn tạo, sửa chữa và thờ phụng ông bà, tổ tiên. Do đó, HĐXX xét thấy cần hỗ trợ cho ông Đặng Văn A 10% giá trị di sản thừa kế theo quy định tại khoản 3 Điều 658 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu xem xét đến công lao thờ phụng của các con của ông A sau này, HĐXX xét thấy di sản trên là tài sản của cụ bà Huỳnh Thị H3, không có cơ sở để xem xét đến công lao thờ phụng của các con của ông A nên HĐXX không thể xem xét.

[5] Xét giá trị tài sản và giá trị các đương sự được chia thừa kế:

Theo Chứng thư thẩm định giá số 5200194/CT-BTCVALUEĐN ngày 28/8/2020 của Công ty CP thẩm định giá BTC tại Đà Nẵng, nhà đất này có giá trị

3.293.171.380 đồng. Bà Đặng Thị H và ông Đặng Văn A thống nhất với Kết quả định giá trên.

Giá trị di sản thừa kế còn lại sau khi trừ chi phí tôn tạo, sửa chữa và 10% do có công quản lý di sản trả cho ông A là: $3.293.171.380 - 49.471.932 - 329.317.138 = 2.914.382.310$ đồng được chia cho 02 kỹ phần, giá trị mỗi kỹ phần là: 1.457.191.155 đồng. Như vậy, ông A có nghĩa vụ thời trả cho bà H số tiền 1.457.191.155 đồng.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về chi phí định giá: Chi phí thẩm định giá theo giá thị trường là 15.000.000 đồng các đồng thừa kế phải chịu. Bà Đặng Thị H đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền chi phí, do vậy ông A có nghĩa vụ hoàn trả cho bà H với số tiền cụ thể là 7.500.000 đồng.

[7] Về án phí: Ông Đặng Văn A và bà Đặng Thị H phải chịu án phí DSST đối với số tiền tương ứng ký phần được nhận. Số tiền án phí cụ thể mỗi người phải chịu là: $36.000.000 + (1.457.191.155 - 800.000.000) \times 3\% = 55.715.735$ đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 5 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 623, 649, 650, 651, 658 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế" đối với ông Đặng Văn A.

Xử:

1. Giao ngôi nhà cấp 4 với cấu trúc tường xây, mái tôn, nền lót gạch men tọa lạc trên thửa đất số 364, tờ bản đồ số 9 có diện tích 82,5m² tọa lạc tại K390/30 đường D, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng đã được Ủy ban nhân dân quận thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3402070717 ngày 24/4/2001 cho ông Đặng Văn A được toàn quyền sở hữu, sử dụng.

Ông Đặng Văn A được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu và sử dụng đối với nhà đất được giao theo quy định của pháp luật.

2. Ông Đặng Văn A có nghĩa vụ thời trả cho bà Đặng Thị H số tiền 1.457.191.155 đồng (Một tỷ bốn trăm năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi một nghìn một trăm năm mươi lăm đồng).

3. Về chi phí thẩm định giá tài sản theo giá thị trường:

Buộc ông Đặng Văn A có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đặng Thị H số tiền chi phí thẩm định giá tài sản là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đặng Thị H phải chịu 55.715.735đ (Năm mươi lăm triệu bảy trăm mười lăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0001983 ngày 25/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà H còn phải nộp tiếp số tiền 50.715.735đ (Năm mươi triệu bảy trăm mười lăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

Buộc ông Đặng Văn A phải chịu 55.715.735đ (Năm mươi lăm triệu bảy trăm mười lăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người thi hành án không thi hành thì còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/02/2021). Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Hậu